TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **128**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/05/2024.
V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Trung Tiến**

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quí** - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/04/2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐST- HNGĐ ngày 10/05/2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ CẨM L -** sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp B, xã T, huyện G1, Tiền Giang

* Bị đơn: Anh **LÊ THANH T -** sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: chị và anh Lê Thanh T cưới nhau năm 2017, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2017. Sau khi cưới chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống

chung kéo dài đến tháng 6/2021 thì chị và anh T sống ly thân cho đến nay. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 2 cháu tên Lê Thị Cẩm G – sinh ngày 18/6/2017 và Lê Minh T – sinh ngày 04/11/20219. Hiện hai cháu G và T đang sống với anh T. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G, để anh T nuôi dưỡng cháu T. không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

***** Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Lê Thanh T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Cẩm L cưới nhau năm 2017, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2017. Sau khi cưới anh và chị L sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến tháng 6/2021 thì anh và chị L sống ly thân cho đến nay. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 2 cháu tên Lê Thị Cẩm G – sinh ngày 18/6/2017 và Lê Minh T – sinh ngày 04/11/20219. Hiện hai cháu G và T đang sống với anh. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu G và T, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L vẫn giữa nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Thanh T; về con chung: chị L đồng ý để anh T nuôi dưỡng hai cháu Lê Thị Cẩm G – sinh ngày 18/6/2017 và Lê Minh T – sinh ngày 04/11/20219, chị không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm L; về con chung: nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Lê Thị Cẩm G – sinh ngày 18/6/2017 và Lê Minh T – sinh ngày 04/11/20219, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L; về con chung: giao cho anh Lê Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Lê Thị Cẩm G – sinh ngày 18/6/2017 và Lê Minh T –

sinh ngày 04/11/20219, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L là có cơ sở. Vì chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Lê Thanh T cưới nhau vào năm 2017, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T số 23 ngày 06/3/2017. Sau khi cưới chị L và anh T sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến tháng 6/2021 thì chị L và anh T sống ly thân cho đến nay, mà giữa chị L, anh T vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: tại phiên tòa chị L và anh T thỏa thuận để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu tên Lê Thị Cẩm G – sinh ngày 18/6/2017 và Lê Minh T – sinh ngày 04/11/20219. Xét sự thỏa thuận này của chị L và anh T là tự nguyện và phù với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này chị L và anh T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: do chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: giao cho anh Lê Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Lê Thị Cẩm G – sinh ngày 18/6/2017 và Lê Minh T – sinh ngày 04/11/20219 cho đến khi hai cháu G, T đủ 18 tuổi, lao động được. Chị Nguyễn Thị Cẩm L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Cẩm L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0009348 ngày 01/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị L đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh